

Bản án số: 48/2026/DS-ST

Ngày: 12/05/2026

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Thị Thuỷ

- Ông Cao Văn Truyền

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Lê Mai Ly – Cán bộ Tòa án

Ngày 12.05.2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 576/2025/TLST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2026/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 04 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 71/2026/QĐHPT – ST ngày 24.04.2026 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Uông Đình Nguyệt T, sinh năm 1985. Địa chỉ: Tổ B, phường T, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Quỳnh G. Địa chỉ: A H, phường H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

* **Bị đơn:** Ông Đỗ Trọng N, sinh năm 1985. Địa chỉ: Tổ C phường H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

NHẬN THẤY:

* Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án đề ngày 20/11/2025 cũng như quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Uông Đình Nguyệt T và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Uông Đình Nguyệt T và ông Đỗ Trọng N1 có mối quan hệ quen biết từ trước. Ngày 31/3/2025, ông Đỗ Trọng N viết giấy ghi nợ để vay của bà T số tiền 336.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi sáu triệu đồng). Ông N hẹn trả vào ngày 5 và ngày 20 hàng tháng, cụ thể như sau:

Ngày 5 hàng tháng: Trả tiền lãi 1%;

Ngày 20 hàng tháng: Trả tiền gốc 5 triệu (năm triệu đồng).

Theo đó ông Đỗ Trọng N có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền lãi là 1%/tháng được tính trên tổng số tiền mà ông N nợ bà T vào ngày 5 hàng tháng, và số tiền gốc 5 triệu đồng vào ngày 20 hàng tháng. Tuy nhiên, kể từ thời điểm ông N nhận đủ số tiền trên cho đến nay, bà T đã nhiều lần nhắc nhở và yêu cầu ông N thực hiện theo đúng thỏa thuận trong giấy ghi nợ nhưng ông N trốn tránh và không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào mặc dù ông N có công việc và thu nhập ổn định.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

1. Buộc ông Đỗ Trọng N trả cho bà T số tiền nợ gốc 336.000.000 đồng (ba trăm ba mươi sáu triệu đồng);

2. Buộc ông Đỗ Trọng N trả cho bà T số tiền lãi trong hạn từ ngày 01/4/2025 đến 05/4/2025 (5 ngày), lãi suất 1%/tháng, số tiền 560.000 đồng (năm trăm sáu mươi nghìn đồng);

3. Buộc ông Đỗ Trọng N trả cho bà T số tiền lãi quá hạn tạm tính từ ngày 06/4/2025 đến 20/11/2025 (228 ngày) với mức bằng 150% lãi suất cho vay là 1%/tháng, tương ứng 18%/năm; cụ thể:

Số tiền lãi quá hạn = 336.000.000 đồng x 228 ngày x 150% x 1% /30 ngày = 38.304.000 đồng (ba mươi tám triệu, ba trăm lẻ bốn nghìn đồng);

Tổng số tiền ông Đỗ Trọng N phải thanh toán cho bà T tạm tính đến 20/11/2025 là 374.864.000 đồng (ba trăm bảy mươi bốn nghìn, tám trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi một phần nội dung đơn khởi kiện, cụ thể yêu cầu ông Đỗ Trọng N thanh toán tổng số tiền: 403.928.000 đồng. Trong đó, tiền nợ gốc là: 336.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày 01/4/2025 đến ngày 12/05/2026 là 67.928.000 đồng.

2. Tại bản tự khai đề ngày 31/12/2025; Biên bản hòa giải ngày 12/03/2026 bị đơn ông Đỗ Trọng N trình bày:

Về khoản vay: Khoảng từ đầu năm 2019 đến cuối năm 2021 tôi có vay tiền bà T số tiền khoảng hơn 560 triệu đồng (năm trăm sáu mươi triệu đồng), mục đích làm ăn, lãi suất từ 0.5%/ngày và 3 ngày thanh toán lãi một lần. Hai bên thỏa thuận bằng miệng nên không có bất kỳ giấy tờ vay nợ nào, số tiền vay trên được bà T chuyển khoản nhiều lần.

Về quá trình thanh toán: Từ năm 2019 đến nay, tôi đã trả hàng tháng số tiền gốc và lãi cho bà T qua nhiều lần tổng khoảng hơn 750 triệu đồng. Đến đầu năm 2025 thì mất khả năng thanh toán vì đang nuôi ba mẹ già, không có thu nhập, thường xuyên đau ốm và con nhỏ bị bệnh. Hiện con tôi bị bệnh teo mật bẩm sinh, sơ gan, đang chờ chỉ định ghép gan từ Bệnh V, chi phí điều trị, thuốc men và tái khám định kỳ tại Hà Nội cần nhiều chi phí. Bà T đã nhiều lần đến nơi làm việc của tôi để làm ảnh hưởng đến công việc, khủng bố tinh thần và gây sức ép. Vì là công việc duy nhất để tạo thu nhập nuôi gia đình nên tôi đã ký giấy xác nhận nợ theo yêu cầu của bà T vào ngày 31/3/2025. Lần gần nhất tôi thanh toán là tháng 06/2025 với số tiền là 1,5 triệu đồng. Tôi rất thể hiện thiện chí trả nợ và vẫn luôn giữ liên lạc với bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Ưông Đình Nguyệt T khởi kiện bị đơn ông Đỗ Trọng N về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn ông Đỗ Trọng N cư trú tại địa chỉ: Tổ C, phường H, thành phố Đà Nẵng. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Vào ngày 31/03/2025 ông Đỗ Trọng N có viết giấy ghi nợ bà Ưông Đình Nguyệt T với số tiền 336.000.000 đồng và cam kết trả số tiền trên, cụ thể:

- Ngày 5 hàng tháng trả tiền lãi 1%
- Ngày 20 hàng tháng: Trả tiền gốc 5 triệu

Nguyên đơn trình bày ông N có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền lãi là 1%/tháng được tính trên tổng số tiền mà ông N nợ bà T vào ngày 5 hàng tháng, và số tiền gốc 5.000.000 đồng vào ngày 20 hàng tháng. Tuy nhiên, từ ngày viết giấy ghi nợ ông N chưa trả đồng nào cho bà T. Bị đơn ông N thì thừa nhận giấy ghi nợ trên là do ông N viết và ký tên nhưng cho rằng từ năm 2019 đến cuối năm 2021 ông N đã vay tiền bà T số tiền khoảng 560.000.000 đồng thỏa thuận miệng nên không có giấy tờ vay mượn và từ năm 2019 đến nay đã trả hàng tháng số tiền gốc và lãi cho bà T qua nhiều lần với tổng số tiền 750.000.000 đồng. Đến năm 2025 thì mất khả năng trả nợ nên mới ký giấy nhận nợ ngày 31/03/2025 vì bị bà T gây áp lực.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo giấy ghi nợ đề ngày 31/03/2025 thể hiện ông Đỗ Trọng N xác nhận nợ bà Ưông Đình Nguyệt T số tiền 336.000.000 đồng. Tại phiên tòa phía nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận bà T cho ông N vay mượn số tiền rất nhiều đợt nhưng không viết giấy vay mượn, việc vay mượn diễn ra từ năm 2019. Mãi đến ngày 31/03/2025 các bên ngồi đối chiếu số tiền nợ nên ông N mới viết giấy ghi nợ bà Ưông Đình Nguyệt T với số tiền 336.000.000 đồng. Ông Đỗ Trọng N cung cấp chứng cứ các sao kê chuyển tiền trả nợ cho bà Ưông Đình Nguyệt T thì thấy rằng các khoản chuyển trả tiền của ông N cho bà T đều diễn ra trước thời điểm hai bên chốt số tiền còn nợ vào ngày 31/03/2025. Đối với giao dịch ông N chuyển tiền ngày 15/04/2025 số tiền 3.000.000 đồng và 1.500.000 đồng ngày 03/06/2025 chuyển tiền cho bà Vương Thúy H diễn ra sau ngày 31/03/2025 thì nguyên đơn không thừa nhận vì cho rằng ông N chuyển cho bà H không liên quan đến việc trả nợ bà T.

Tuy nhiên, tại phiên tòa ông N thừa nhận còn nợ bà T đến ngày 12/05/2026 với tổng số tiền 403.928.000 đồng như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên ông xin phương án trả dần mỗi tháng từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng nhưng không được phía nguyên đơn đồng ý.

[3] Như vậy có căn cứ xác nhận ông Đỗ Trọng N còn nợ bà T số tiền gốc: 336.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 12/05/2025 với số tiền 67.928.000 đồng (lãi 1%/tháng, tương ứng 18%/năm) theo như giấy ghi nợ ngày 31/03/2025. Việc bị đơn ông Đỗ Trọng N đến nay không trả tiền mượn cho bà Ưông Đình Nguyệt T là đã vi phạm Điều 463 Bộ luật dân sự, quy định “ *Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản...*”

Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 quy định “ *Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...*”

[4] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn ông Đỗ Trọng N phải chịu: 20.157.120 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 463, 464, 465, 466, 357, 468 Bộ luật dân sự

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" của nguyên đơn bà Uông Đình Nguyệt T đối với bị đơn ông Đỗ Trọng N.

Xử: Buộc ông Đỗ Trọng N phải trả cho bà Uông Đình Nguyệt T số tiền: 403.928.000 đồng. Trong đó, tiền nợ gốc: 336.000.000 đồng, tiền nợ lãi tính từ ngày 01/4/2025 đến ngày 12/05/2026 là 67.928.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đỗ Trọng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền: 20.157.120 đồng. Hoàn trả lại cho bà Uông Đình Nguyệt T số tiền: 9.371.600 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0007448 ngày 22/12/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng.
- Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng
- Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng
- Lưu hồ sơ vụ án.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRƯƠNG THANH PHÚC